TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Quỳnh N** - sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 10, ấp 3, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí N1** - sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 10, ấp L4, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N xin vắng mặt; anh N1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh N trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Chí N1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/9/2022, giấy chứng nhận kết hôn số 82/2022.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng đã cố gắng dung hòa, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phan Thị Quỳnh N yêu cầu Tòa án nhân

dân khu vực 9 - Đồng Tháp giải quyết cho chị Phan Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Chí N1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024, hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án cho đến khi con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm, anh Nguyễn Chí Nhân là bị đơn trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N1 thừa nhận lời trình bày của chị N về việc hai người tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 16/9/2022. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 đến nay, trong quá trình ly thân vợ chồng đã cố gắng dung hòa, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên anh N1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh N1 đồng ý giao con chung Nguyễn Chí K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là ½ tháng lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm thi hành án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:*

- Bản sao có chứng thực căn cước công dân tên Phan Thị Quỳnh N;

- Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2022 ngày 16/9/2022;

- Bản sao Giấy khai sinh Nguyễn Chí K;

- Bản chính Văn bản ý kiến ngày 31/3/2026 của anh Nguyễn Chí N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn, nuôi con chung và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân

và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (nay là Tòa án khu vực). Bị đơn anh Nguyễn Chí N1 hiện đang cư trú tại tổ 10, ấp L4, xã H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính và thành lập Tòa án nhân dân khu vực.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Phan Thị Quỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Như theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N1 sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp) ngày 16/9/2022, do đó hôn nhân giữa chị N và anh N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên các đương sự đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị N và anh N1 đều xác định rằng tình cảm vợ chồng cũng không còn, nên không thể đoàn tụ được; do đó, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N1 và anh N1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N1 có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh N1 là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh N1 đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024. Hiện nay con chung đang sống với chị N, nhận thấy con chung phát triển tốt về tinh thần và thể chất nên anh N1 cũng đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Nguyễn Chí K đang sống chung với chị N ổn định và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, việc giao con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là ½ tháng lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm thi hành án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị N yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng có quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con* ".

Do đó, để đảm bảo lợi ích của cháu Nguyễn Chí K và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên, anh N1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024 đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Chí N1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị Phan Thị Quỳnh N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính và thành lập Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phan Thị Quỳnh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Chí N1.

- Về con chung: Chị Phan Thị Quỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Chí N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024 hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 16/7/2024 đủ 18 tuổi.

Anh N1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Chí N1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Phan Thị Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Như đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000344 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Phan Thị Quỳnh N đã nộp xong án phí.

- Anh Nguyễn Chí N1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND khu vực 9 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên